

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Cao Bằng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 4960/TTr-SYT ngày 30 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 30 thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Y tế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Cao Bằng (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đơn giản hóa đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

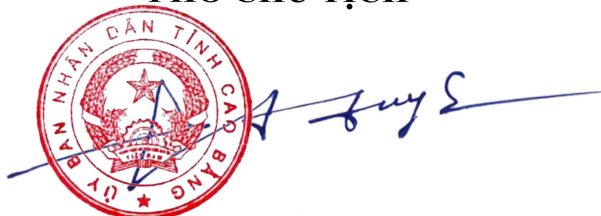
Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, KGVX, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC(Hồ).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trịnh Trường Huy

Phụ lục



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC
Y TẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ,
UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ TỈNH CAO BẰNG**

Phan hành kèm theo Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh (27 TTHC)		
1	Xử lý quà tặng đối với quà tặng bằng tiền, giấy tờ có giá; hiện vật; dịch vụ; động, thực vật.	Thanh tra	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế
2	Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y Tế. - Cơ quan thực hiện: Trung tâm kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế
3	Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y Tế. - Cơ quan thực hiện: Trung tâm kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế
4	Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế. - Cơ quan thực hiện: Trung tâm kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế.
5	Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế
6	Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế

7	Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A trên địa bàn tỉnh.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế
8	Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm thuộc nhóm B,C trên địa bàn tỉnh.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế
9	Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế).	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế
10	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế Cao Bằng.
11	Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện. UBND cấp tỉnh Thông tư 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế Cao Bằng ; Trung tâm kiểm soát bệnh tật Trực thuộc Sở Y tế
12	Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh	Trang thiết bị và Công trình Y tế	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh; Sở Y tế. - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế; Các đơn vị sự nghiệp Y tế trực thuộc Sở Y tế.
13	Xét thăng hạng bác sỹ chính	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
14	Xét thăng hạng bác sỹ y học dự phòng chính	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
15	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng chính	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.

16	Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
17	Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng III	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.
18	Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
19	Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.
20	Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
21	Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.
22	Xét thăng hạng Dược sĩ	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.
23	Xét thăng hạng Dược sĩ chính	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
24	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng II	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.
25	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng hạng III	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.
26	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng II	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Y tế.

27	Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III	Tổ chức cán bộ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Y tế - Cơ quan thực hiện: Sở Y tế.
B	Thủ tục hành chính cấp huyện (01 TTHC)		
1	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND huyện. - Cơ quan thực hiện: Trung tâm y tế huyện trực thuộc Sở Y tế
C	Thủ tục hành chính cấp xã (02 TTHC)		
1	Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND xã. - Cơ quan thực hiện: Trạm y tế xã thuộc trung tâm y tế huyện.
2	Áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại nhà.	Y tế dự phòng	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND xã. - Cơ quan thực hiện: Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã

Tổng số: 30 TTHC

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Tên thủ tục: Xử lý quà tặng đối với quà tặng bằng tiền, giấy tờ có giá; hiện vật; dịch vụ; động, thực vật.

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ Đối với quà tặng bằng tiền, giấy tờ có giá thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức tiếp nhận, bảo quản và làm thủ tục nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Đối với quà tặng bằng hiện vật, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị tiếp nhận, bảo quản và xử lý như sau:

Xác định giá trị của quà tặng trên cơ sở giá của quà tặng do cơ quan, đơn vị, cá nhân tặng quà cung cấp (nếu có) hoặc giá trị của quà tặng tương tự được bán trên thị trường. Trong trường hợp không xác định được giá trị của quà tặng bằng hiện vật thì có thể đề nghị cơ quan có chức năng xác định giá.

Quyết định bán quà tặng và tổ chức công khai bán quà tặng theo quy định của pháp luật.

Nộp vào ngân sách nhà nước số tiền thu được sau khi trừ đi chi phí liên quan đến việc xử lý quà tặng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày bán quà tặng.

+ Đối với quà tặng là dịch vụ thăm quan, du lịch, y tế, giáo dục - đào tạo, thực tập, bồi dưỡng trong nước hoặc ngoài nước, dịch vụ khác thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị cung cấp dịch vụ về việc không sử dụng dịch vụ đó.

+ Đối với quà tặng là động vật, thực vật, thực phẩm tươi, sống và hiện vật khác khó bảo quản thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình cụ thể và quy định của pháp luật về xử lý tang vật trong các vụ việc vi phạm hành chính để quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý.

- **Bước 2:** Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xử lý quà tặng, cơ quan, đơn vị xử lý quà tặng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị quản lý người tặng quà hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tặng quà để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

1.2. Cách thức thực hiện: Tại cơ quan, đơn vị.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

1.4. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Người có chức vụ, quyền hạn công tác tại cơ quan, đơn vị và một số vị trí liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công

việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

1.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Văn phòng Sở Y tế thực hiện tiếp nhận, phân loại, trình thủ trưởng quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý.

1.7. Kết quả thực hiện TTHC: Văn bản thông báo.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

1.10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý: Điều 27 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Tên thủ tục: Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước ngày mùng 05 của các tháng 01, 4, 7 và tháng 10 hàng năm hoặc trong trường hợp đột xuất, cơ sở điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone lập dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone bao gồm cả nhu cầu sử dụng thuốc của người bệnh tại các cơ sở cấp phát thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của cơ sở điều trị Methadone theo mẫu số 11 của Thông tư 26/2023/TT-BYT về báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone và gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng;

Bước 2: Trước ngày mùng 10 của tháng lập dự trù, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng phải hoàn thành việc tổng hợp theo mẫu số 13 của Thông tư 26/2023/TT-BYT về báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone gửi Sở Y tế;

Bước 3: Trước ngày 15 của tháng lập dự trù, Sở Y tế phải hoàn thành Duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone của các cơ sở điều trị Methadone. Duyệt dự trù được lập thành 03 bản và được gửi như sau: 01 bản gửi đơn vị phân phối, 01 bản gửi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng tỉnh và 01 bản lưu tại Sở Y tế;

Bước 4: Căn cứ vào bản duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị phân phối có trách nhiệm:

- Thống nhất với cơ sở điều trị Methadone về số lượng và thời gian giao thuốc cụ thể. Việc giao thuốc phải thực hiện trước ngày 30 của tháng lập dự trù;

- Báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone về số lượng và thời gian giao thuốc cụ thể;

Bước 5: Căn cứ vào bản duyệt dự trừ nhu cầu sử dụng thuốc Methadone đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Trung tâm Kiểm soát bệnh tật căn cứ vào bản duyệt dự trừ ban hành quyết định phân bổ thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Bưu chính công ích.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trừ nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo mẫu số 11, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT.

+ Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trừ nhu cầu sử dụng thuốc methadone theo mẫu số 13, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư số 26/2023/TT-BYT.

2.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày

2.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Trung tâm kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế.

2.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Y tế Cao Bằng

2.7. Kết quả thực hiện TTHC: Phê duyệt dự trừ nhu cầu sử dụng thuốc methadone của Sở Y tế gửi đơn vị phân phối để thực hiện việc chuyển thuốc đến các cơ sở điều trị Methadone của các tỉnh, thành phố.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Mẫu số 11, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành: Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trừ nhu cầu sử dụng thuốc methadone.

+ Mẫu số 13, Phụ lục các mẫu văn bản ban hành: Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trừ nhu cầu sử dụng thuốc methadone.

2.10. Yêu cầu, điều kiện: Không.

2.11. Căn cứ pháp lý: Thông tư 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn quản lý thuốc Methadone.

Mẫu số 11. Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone

CƠ SỞ ĐIỀU TRỊ THAY THẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRỮ NHU CẦU SỬ DỤNG THUỐC METHADONE

(từ ngày ... tháng đến ngày tháng)

Tên cơ sở	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
.....												

Nơi nhận:

-

-

Người lập báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 13. Báo cáo tình hình sử dụng, tồn kho và dự trữ nhu cầu sử dụng thuốc methadone

TÊN ĐƠN VỊ ¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, TỒN KHO VÀ DỰ TRỮ NHU CẦU
SỬ DỤNG THUỐC METHADONE**

(từ ngày ... tháng đến ngày tháng)

Tên đơn vị	Tên thuốc, nồng độ, hàm lượng	Đơn vị tính	Số lượng tồn kho kỳ trước chuyển sang	Số lượng nhập trong kỳ	Tổng số	Số lượng xuất trong kỳ	Số lượng hao hụt	Số lượng dư thừa	Tồn kho cuối kỳ	Tổng số người bệnh đang tham gia điều trị	Số lượng người bệnh dự kiến tăng thêm trong kỳ tới	Số lượng dự trữ cho kỳ tới	Số lượng dự trữ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
.....													
Tổng số													

Nơi nhận:

-

-

Người lập báo cáo
(ký và ghi rõ họ tên)

**Lãnh đạo Cơ quan
đầu mối về HIV/AIDS
tuyên tỉnh**
(ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

Lãnh đạo Sở Y tế
(ký, ghi rõ họ tên và đóng
dấu)

^[1] Cơ quan đầu mối phòng, chống HIV/AIDS tuyên tỉnh

3. Tên thủ tục: Điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị thay thế trên địa bàn quản lý từ nguồn thuốc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế

3.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Căn cứ vào bản duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị phân phối có trách nhiệm:

- Thống nhất với cơ sở điều trị Methadone về số lượng và thời gian giao thuốc cụ thể. Việc giao thuốc phải thực hiện trước ngày 30 của tháng lập dự trù;
- Báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone về số lượng và thời gian giao thuốc cụ thể;

Bước 2: Căn cứ vào bản duyệt dự trù nhu cầu sử dụng thuốc Methadone đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Trung tâm Kiểm soát bệnh tật căn cứ vào bản duyệt dự trù ban hành quyết định điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Bru chính công ích, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Quyết định của Trung tâm kiểm soát bệnh tật về điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3.4. Thời hạn giải quyết: 5 ngày

3.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Trung tâm kiểm soát bệnh tật trực thuộc Sở Y tế.

3.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Y tế Cao Bằng

3.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định của Trung tâm kiểm soát bệnh tật về điều phối thuốc Methadone cho các cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

3.8. Phí, lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.10. Yêu cầu, điều kiện: Không.

3.11. Căn cứ pháp lý: Thông tư 26/2023/TT-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn quản lý thuốc Methadone.

4. Tên thủ tục: Cấp và chi trả tiền bồi thường cho người được tiêm chủng khi sử dụng vắc xin trong chương trình tiêm chủng chống dịch.

4.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (thời điểm tiếp nhận được tính theo dấu tiếp nhận công văn đến của Sở Y tế), Sở Y tế ra quyết định giải quyết bồi

thường đối với các trường hợp được Nhà nước bồi thường theo quy định tại Nghị định này. Quyết định giải quyết bồi thường phải được gửi cho người bị thiệt hại, người có lỗi hoặc cơ quan tổ chức có lỗi gây thiệt hại (nếu có).

Quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày người bị thiệt hại nhận được quyết định, trừ trường hợp người bị thiệt hại không đồng ý và khởi kiện ra tòa án.

Bước 2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, Sở Y tế phải có văn bản gửi Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường kèm theo quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật.

Bước 3. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị cấp kinh phí để thực hiện bồi thường, Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia phải cấp kinh phí cho Sở Y tế để chi trả cho người bị thiệt hại.

Bước 4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kinh phí do Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia cấp, Sở Y tế phải thực hiện việc chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại.

Việc chi trả phải thực hiện 01 lần bằng tiền mặt cho người bị thiệt hại hoặc chuyển khoản theo yêu cầu của người bị thiệt hại. Trường hợp người bị thiệt hại có yêu cầu trả bằng chuyển khoản thì thực hiện theo yêu cầu và thông báo bằng văn bản cho người bị thiệt hại. Nếu chi trả bồi thường bằng tiền mặt thì phải thông báo trước ít nhất 02 ngày cho người bị thiệt hại, việc nhận tiền bồi thường được lập thành 02 bản, mỗi bên tham gia giao nhận giữ 01 bản.

4.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- + Kết luận của Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh;
- + Bộ hồ sơ xác định trường hợp được bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

4.4. Thời hạn giải quyết: 40 ngày

4.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Hội đồng tư vấn chuyên môn tỉnh (Đơn vị thường trực là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh).

4.6. Cơ quan giải quyết TTHC: Sở Y tế; Chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia.

4.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định giải quyết bồi thường

4.8. Phí, lệ phí: Không

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

4.10. Yêu cầu, điều kiện: Không

4.11. Căn cứ pháp lý: Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 quy định về hoạt động tiêm chủng.

5. Tên thủ tục: Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

5.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Ngay sau khi nhận được thông tin về người nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A, cơ quan được Bộ Y tế chỉ định thực hiện việc điều tra xác minh (sau đây gọi tắt là cơ quan xác minh dịch).

Bước 2. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi xác định có người mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A, cơ quan xác minh dịch có trách nhiệm thông báo cho Sở Y tế nơi có dịch xảy ra đồng thời báo cáo Bộ Y tế.

Bước 3. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của cơ quan xác minh dịch, Sở Y tế nơi có dịch xảy ra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 4. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế nơi có dịch xảy ra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế công bố dịch.

Bước 5. Bộ trưởng Bộ Y tế :

+ Công bố dịch trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

+ Thông báo trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của cơ quan xác minh dịch đối với trường hợp người nhập cảnh Việt Nam được xác định mắc bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A;

+ Đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố dịch đối với trường hợp dịch lây lan nhanh từ tỉnh này sang tỉnh khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe con người

5.2. Cách thức thực hiện: không quy định

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

5.4. Thời hạn giải quyết: 60 giờ

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

5.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Y tế, Thủ tướng Chính phủ

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch

5.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A: có ít nhất một người bệnh được chẩn đoán xác định.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

6. Tên thủ tục: Công bố dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B, C thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

6.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1. Ngay sau khi nhận được thông tin người bệnh được chẩn đoán mắc bệnh truyền nhiễm, Sở Y tế tại nơi người mắc bệnh truyền nhiễm cư trú trong thời gian ủ bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này có trách nhiệm tổ chức điều tra xác minh dịch.

Bước 2. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xác định có dịch, Sở Y tế nơi có dịch xảy ra có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Bước 3. Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo của Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch có trách nhiệm xem xét, quyết định việc công bố dịch nhóm B và nhóm C theo thẩm quyền.

Trường hợp có từ hai tỉnh trở lên đã công bố cùng một dịch bệnh truyền nhiễm thuộc danh mục các bệnh truyền nhiễm nhóm B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này trong khoảng thời gian ủ bệnh trung bình của bệnh đó, Bộ trưởng Bộ Y tế có trách nhiệm công bố dịch theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 38 Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

6.2. Cách thức thực hiện: không quy định

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

6.4. Thời hạn giải quyết: 48 giờ

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế

6.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công bố dịch

6.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C:

+ Một xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là xã) được coi là có dịch khi có số người mắc bệnh vượt quá số mắc trung bình của tháng cùng kỳ 03 năm gần nhất;

+ Một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là huyện) được coi là có dịch khi có từ 2 xã có dịch trở lên;

+ Một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) được coi là có dịch khi có từ 2 huyện có dịch trở lên.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

7. Tên thủ tục: Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm A trên địa bàn tỉnh.

7.1. Trình tự thực hiện:

Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:

+ Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C;

+ Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định công bố hết dịch đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định:

+ Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch;

+ Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B khi các tỉnh đã công bố hết dịch;

+ Xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối với trường hợp dịch mà Thủ tướng Chính phủ đã công bố dịch.

7.2. Cách thức thực hiện: không quy định

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

7.4. Thời hạn giải quyết: không quy định

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế

7.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hết dịch

7.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh

truyền nhiễm do Thủ tướng Chính phủ ban hành; Quyết định 26/2023/QĐ-TTg ngày 19/10/2023 sửa đổi phụ lục quy định thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định về điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

8. Tên thủ tục: Đề nghị cấp có thẩm quyền công bố hết dịch truyền nhiễm nhóm B, C trên địa bàn tỉnh.

8.1. Trình tự thực hiện:

Sau khoảng thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và đã thực hiện các biện pháp chống dịch theo quy định, Sở Y tế báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định:

+ Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B và nhóm C;

+ Đề nghị Bộ trưởng Bộ Y tế xem xét quyết định công bố hết dịch đối với bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định:

+ Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A khi nhận được đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nơi xảy ra dịch;

+ Công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B khi các tỉnh đã công bố hết dịch;

+ Xem xét đề nghị Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A đối với trường hợp dịch mà Thủ tướng Chính phủ đã công bố dịch.

8.2. Cách thức thực hiện: không quy định

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

8.4. Thời hạn giải quyết: không quy định

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Y tế

8.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ; Bộ trưởng Bộ Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố hết dịch

8.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Ngoài việc đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 40 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, việc công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm phải đáp ứng điều kiện: Không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh mới sau khoảng thời gian nhất định cho từng bệnh quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm do Thủ tướng Chính phủ ban hành; Quyết định 26/2023/QĐ-TTg ngày 19/10/2023 sửa đổi phụ lục quy định thời gian ủ bệnh trung bình và thời gian không phát hiện thêm trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm làm căn cứ để công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm ban hành kèm theo Quyết định 02/2016/QĐ-TTg ngày 28/01/2016 quy định về điều kiện công bố dịch, công bố hết dịch bệnh truyền nhiễm.

9. Tên thủ tục: áp dụng biện pháp cách ly Y tế tại cơ sở, địa điểm khác (ngoại trừ tại nhà, tại cửa khẩu, cơ sở y tế)

9.1. Trình tự thực hiện:

Trường hợp số lượng người xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam thuộc quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định này vượt quá khả năng tiếp nhận cách ly Y tế của cửa khẩu:

+ Trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới, người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu gửi văn bản về Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) nơi có cửa khẩu đề nghị hướng dẫn thực hiện việc cách ly Y tế;

+ Trong thời gian 12 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ quan phụ trách cửa khẩu, Sở Y tế tỉnh phải có hướng dẫn cụ thể về việc thực hiện cách ly Y tế.

Trường hợp số lượng người mắc bệnh truyền nhiễm vượt quá khả năng tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tại vùng có dịch, trong thời gian 06 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch theo quy định tại khoản 3 Điều 48 và việc huy động, trưng dụng các nguồn lực cho hoạt động chống dịch theo quy định tại Điều 55 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

9.4. Thời hạn giải quyết: 18 giờ

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức kiểm dịch Y tế biên giới; cơ quan phụ trách cửa khẩu

9.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Y tế, Ban chỉ đạo chống dịch tỉnh, TP trực thuộc TW

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch

9.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 101/2010/NĐ-CP 30/09/2010 hướng dẫn Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cưỡng chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch

10. Tên thủ tục: Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.

10.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

Bước 2: Các Tiểu ban chống dịch được quy định cụ thể như sau:

a) Cấp quốc gia và cấp tỉnh gồm các tiểu ban: Giám sát, Điều trị, Tuyên truyền và Hậu cần. Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định cụ thể thành phần, nhiệm vụ và hoạt động của các Tiểu ban chống dịch;

b) Cấp huyện và cấp xã: Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định thành lập hoặc không thành lập các Tiểu ban chống dịch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ chống dịch.

Bước 3: Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đặt tại cơ quan y tế cùng cấp và do người đứng đầu cơ quan y tế đó phụ trách

10.2 Cách thức thực hiện

- Ban Chỉ đạo chống dịch làm việc theo chế độ tập thể.
- Các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
- Thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp chịu trách nhiệm sử dụng bộ máy tổ chức của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch và sử dụng con dấu do đơn vị mình quản lý.
- Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

10.3 Thành phần và số lượng hồ sơ: Không quy định

10.4 Thời hạn giải quyết: Trong vòng 24 giờ, kể từ khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp phải được thành lập.

10.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo và triển khai các hoạt động phòng chống dịch theo quy định tại Điều 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54 và 55 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp có nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chống dịch và chịu trách nhiệm trước chính quyền cùng cấp về toàn bộ các hoạt động chống dịch;

b) Phê duyệt, tổ chức và thực hiện kế hoạch chống dịch, đề xuất việc áp dụng các biện pháp chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;

c) Phân công và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các Phó Trưởng Ban và các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch;

d) Thành lập các đội chống dịch cơ động theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- Các Phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch có nhiệm vụ: giúp việc cho Trưởng Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về các lĩnh vực và công việc được phân công.

10.6 Cơ quan giải quyết thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế Cao Bằng, Trung tâm y tế, Trạm y tế.

10.7 Kết quả thực hiện TTHC: - Ban Chỉ đạo chống dịch cấp tỉnh.

10.8. Phí, lệ phí : Không

10.9 Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

10.10 Yêu cầu, điều kiện:

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo là cơ quan tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Ban Chỉ đạo chống dịch và Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm:

a) Là đầu mối tổng hợp kế hoạch, báo cáo về phòng chống dịch;

b) Giám sát thực hiện các nhiệm vụ phòng chống dịch theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch;

c) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối hoạt động của các tiểu ban thuộc Ban Chỉ đạo và của Đội chống dịch cơ động.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo chống dịch.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp

11. Tên thủ tục: Công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện

11.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật hoặc bệnh viện Da liễu) thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối chiếu với các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô

cấp huyện, nếu thấy đã đạt thì đề nghị Sở Y tế xem xét, gửi văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bước 2: Thành lập hội đồng kiểm tra

“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định thành lập Hội đồng kiểm tra. Hội đồng có trách nhiệm kiểm tra các tiêu chí loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện.

Thành phần hội đồng kiểm tra gồm 07 hoặc 09 thành viên:

+ Chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Sở Y tế.

+ Phó chủ tịch hội đồng: Lãnh đạo Đơn vị chuyên môn được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong của tỉnh.

+ Ủy viên thư ký: Trưởng khoa Da liễu hoặc Trưởng phòng Chỉ đạo tuyến thuộc Đơn vị chuyên môn chịu trách nhiệm loại trừ bệnh phong của tỉnh.

+ Ủy viên giám sát: Đại diện của Bệnh viện Da liễu Trung ương và đại diện của Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quỳnh Lập hoặc Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quy Hòa hoặc Bệnh viện Da liễu thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ủy viên: Đại diện Phòng Nghiệp vụ y; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Y tế và Đại diện Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra loại trừ bệnh phong chịu trách nhiệm điều hành hội đồng kiểm tra tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.”

Bước 3: Tiến hành kiểm tra: Thời gian kiểm tra tối đa 02 ngày

Bước 4: Đánh giá, xếp loại

Bước 5 : Công nhận huyện đạt được 04 tiêu chí loại trừ bệnh phong:

Sau khi kiểm tra, Chủ tịch hội đồng có văn bản báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, kèm theo Biên bản kiểm tra của hội đồng. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ kết quả kiểm tra của Hội đồng, xem xét quyết định công nhận./.

11.2. Cách thức thực hiện: Không quy định

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị tiến hành kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong

11.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đơn vị được giao trách nhiệm loại trừ bệnh phong (Trung tâm Kiểm soát bệnh tật hoặc bệnh viện Da liễu) của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

11.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch

UBND tỉnh về việc công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp huyện

11.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư 17/2013/TT-BYT ngày 06/06/2013 quy định tiêu chí và hướng dẫn kiểm tra, công nhận loại trừ bệnh phong ở quy mô cấp tỉnh và huyện do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

12. Tên thủ tục: Phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế cho cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh

12.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt định mức.

Bước 2: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư 08/2019/TT-BYT có trách nhiệm phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng, trường hợp không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị Y tế chuyên dùng của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp Y tế theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Danh mục trang thiết bị Y tế chuyên dùng hiện có kèm theo số lượng cụ thể của từng chủng loại.

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy hoạch phát triển của đơn vị (nếu có);

+ Bảng kê khai nhân lực và cơ sở vật chất của đơn vị. Đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải đính kèm thêm văn bản phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở;

+ Bản thuyết minh về nhu cầu sử dụng của từng chủng loại trang thiết bị Y tế bổ sung thêm trong 03 năm tiếp theo;

+ Các tài liệu quy định tại điểm b, d và đ Khoản này phải được Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

12.4. Thời hạn giải quyết: Trong thời gian 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ

12.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Các đơn vị sự nghiệp Y tế trực thuộc Sở Y tế địa phương

12.6. Cơ quan giải quyết TTHC: người có thẩm quyền quy định tại Điều

5 Thông tư 08/2019/TT-BYT.

12.7. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị Y tế chuyên dùng

12.8. Phí, lệ phí: Không quy định

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu Văn bản đề nghị phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị Y tế chuyên dùng quy định tại Phụ lục 2 Thông tư 08/2019/TT-BYT

12.10. Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

12.11. Căn cứ pháp lý: Thông tư số 08/2019/TT- BYT ngày 31/5/2019 của Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực Y tế ; Quyết định số 2316/QĐ-BYT ngày 04/6/2020 của Bộ Y tế về việc phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

13. Tên thủ tục : Xét thăng hạng bác sĩ chính

13.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

13.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

13.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

13.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

13.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

13.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:
- + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
- + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

+ Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

13.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

13.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .

- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

14. Tên thủ tục: Xét thăng hạng bác sĩ y học dự phòng chính

14.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực

hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

14.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

14.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

14.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

14.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:
 - + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần
- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

14.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

- + Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;
- + Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;
- + Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;
- + Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;
- + Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

14.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .
- Thông tư liên tịch số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ.
- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.
- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

15. Tên thủ tục: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Y tế công cộng chính

15.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo ND 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

15.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét

thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

15.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

15.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

15.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

15.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:
 - + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần
- Phức khảo 150.000 đồng/bài thi.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

15.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng

9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

15.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư liên tịch số 11/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp y tế công cộng.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

16. Tên thủ tục: Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng II

16.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo

công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

16.2. Cách thức thực hiện: Trục tuyển qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

16.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

16.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

16.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

16.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:
 - + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần
- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

16.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

16.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

17. Thủ tục: Xét thăng hạng Điều dưỡng hạng III

17.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nội vụ) để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (Không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

17.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Tờ trình về việc thẩm định Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

17.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

17.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

- Cơ quan quyết định chỉ tiêu thăng hạng: Ủy ban nhân dân tỉnh

17.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

17.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

17.10. Yêu cầu, điều kiện:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

17.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#).

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số [92/2021/TT-BTC](#) ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

18. Tên thủ tục: Xét thăng hạng Hộ sinh hạng II

18.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo ND 115/2020/ND-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

18.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

18.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

18.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

18.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:

+ Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

+ Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

+ Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

18.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiên sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

18.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

19. Tên thủ tục: Xét thăng hạng Hộ sinh hạng III

19.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nội vụ) để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (Không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

19.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Tờ trình về việc thẩm định Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

19.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

19.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

- Cơ quan quyết định chỉ tiêu thăng hạng: Ủy ban nhân dân tỉnh

19.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

19.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

19.10. Yêu cầu, điều kiện:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

19.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .
- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.
- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

20. Tên thủ tục: Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng II

20.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

20.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

20.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

20.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

20.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

20.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:

- + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
- + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
- + Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần
- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

20.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

20.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số [92/2021/TT-BTC](#) ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

21. Tên thủ tục: Xét thăng hạng Kỹ thuật y hạng III

21.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nội vụ) để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (Không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

21.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Tờ trình về việc thẩm định Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

21.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

21.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

21.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

- Cơ quan quyết định chỉ tiêu thăng hạng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

21.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

21.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

21.10. Yêu cầu, điều kiện:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

21.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .

- Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên

chê; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

22. Tên thủ tục: Xét thăng hạng Dược sĩ

22.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nội vụ) để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (Không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

22.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Tờ trình về việc thẩm định Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

22.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

22.5. Đối tượng thực hiện TTHC:

Viên chức

22.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

- Cơ quan quyết định chỉ tiêu thăng hạng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

22.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

22.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

22.10. Yêu cầu, điều kiện:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;
- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;
- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

22.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp được.
- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;
- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

23. Tên thủ tục: Xét thăng hạng được sĩ chính

23.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

23.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

23.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

23.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

23.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

23.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

23.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

23.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:
 - + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
 - + Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần
- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

23.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

23.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiên sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

23.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

24. Tên thủ tục: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng II

24.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

24.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

24.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
 - + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
 - + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

24.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Công Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

24.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức**24.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

24.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

24.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:

- + Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần
- + Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần
- + Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

24.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

24.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

24.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số [92/2021/TT-BTC](#) ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

25. Tên thủ tục: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng hạng III

25.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nội vụ) để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét

thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (Không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

25.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

25.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Tờ trình về việc thẩm định Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

25.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

25.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức**25.6. Cơ quan giải quyết TTHC:**

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

- Cơ quan quyết định chỉ tiêu thăng hạng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

25.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

25.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

25.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

25.10. Yêu cầu, điều kiện:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

25.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .

- Thông tư liên tịch số 28/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dinh dưỡng.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

26. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số hạng II

26.1 Trình tự thực hiện

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng, xác định chỉ tiêu xét thăng hạng trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Nội vụ có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

26.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

26.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Tờ trình dự thảo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- + Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.
- Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

26.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

26.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

26.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Y tế.

26.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

26.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

- Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II, hạng III, hạng IV:

+ Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

+ Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

+ Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

- Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

26.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

26.10. Yêu cầu, điều kiện:

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các điều kiện sau đây:

+ Được người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức quyết định cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

+ Đối với yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ phải đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại các Thông tư, Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Có vị trí việc làm còn thiếu tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được xét thăng hạng.

- Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động như sau:

+ Được cấp bằng Chuyên khoa cấp II hoặc Tiến sĩ chuyên ngành phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng;

+ Đạt danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân”;

+ Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên;

+ Được khen thưởng Huân chương Lao động hạng Ba trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên và thành viên tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên và nhiệm vụ khoa học và công nghệ này phải được nghiệm thu từ mức đạt trở lên;

+ Chủ trì ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình kỹ thuật chuyên môn trong lĩnh vực công tác từ cấp cơ sở trở lên hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật được cấp có thẩm quyền ban hành;

+ Thành viên tham gia ít nhất 02 đề án hoặc hướng dẫn, quy trình chuyên môn kỹ thuật trong lĩnh vực công tác được cấp bộ, cấp tỉnh ban hành.

26.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số [85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [115/2020/NĐ-CP](#) về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số [92/2021/TT-BTC](#) ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư số 11/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y, dược, dân số.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng.

27. Tên thủ tục: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp dân số viên hạng III

27.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ vào vị trí việc làm, số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt xây dựng nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng gửi về Sở Y tế tổng hợp.

Bước 2: Sở Y tế xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (Qua Sở Nội vụ) để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chỉ tiêu thăng hạng trước khi tổ chức thực hiện.

Bước 3: Sở Y tế thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp tổ chức thực hiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (Không có quy định về thời gian theo NĐ 115/2020/NĐ-CP).

Bước 4: Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 5: Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

Bước 6: Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

27.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản, trực tiếp.

27.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Tờ trình về việc thẩm định Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp.

b) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

27.4. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét

thăng hạng phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, tổ chức xét thăng hạng.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền hoặc người được phân cấp, ủy quyền phải thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển theo quy định.

27.5. Đối tượng thực hiện TTHC: Viên chức

27.6. Cơ quan giải quyết TTHC:

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Y tế.

- Cơ quan quyết định chỉ tiêu thăng hạng: Ủy ban nhân dân tỉnh.

27.7. Kết quả thực hiện TTHC:

Quyết định bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp.

27.8. Phí, lệ phí:

(Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

a) Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III:

- Dưới 100 thí sinh: 700.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 100 đến dưới 500 thí sinh: 600.000 đồng/thí sinh/lần

- Từ 500 trở lên: 500.000 đồng/thí sinh/lần

b) Phúc khảo 150.000 đồng/bài thi.

27.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

27.10. Yêu cầu, điều kiện:

Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp khi đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn hạng hiện giữ trong cùng ngành, lĩnh vực;

- Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý viên chức chuyên ngành quy định.

27.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP .

- Thông tư liên tịch số 08/2016/TTLT-BYT-BNV ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dân số.

- Thông tư số 03/2022/TT-BYT ngày 26/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 1371/QĐ-UBND ngày 23/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ủy quyền xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Tên thủ tục: Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch huyện.

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

Bước 2: Các Tiểu ban chống dịch được quy định cụ thể như sau:

a) Cấp quốc gia và cấp tỉnh gồm các tiểu ban: Giám sát, Điều trị, Tuyên truyền và Hậu cần. Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định cụ thể thành phần, nhiệm vụ và hoạt động của các Tiểu ban chống dịch;

b) Cấp huyện và cấp xã: Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định thành lập hoặc không thành lập các Tiểu ban chống dịch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ chống dịch.

Bước 3: Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đặt tại cơ quan y tế cùng cấp và do người đứng đầu cơ quan y tế đó phụ trách

1.2 Cách thức thực hiện

- Ban Chỉ đạo chống dịch làm việc theo chế độ tập thể.
- Các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
- Thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp chịu trách nhiệm sử dụng bộ máy tổ chức của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch và sử dụng con dấu do đơn vị mình quản lý.
- Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

1.3 Thành phần và số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4 Thời hạn giải quyết

Trong vòng 24 giờ, kể từ khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp phải được thành lập.

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo và triển khai các hoạt động phòng chống dịch theo quy định tại Điều 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54 và 55 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp có nhiệm vụ:

a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chống dịch và chịu trách nhiệm trước chính quyền cùng cấp về toàn bộ các hoạt động chống dịch;

b) Phê duyệt, tổ chức và thực hiện kế hoạch chống dịch, đề xuất việc áp dụng các biện pháp chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;

c) Phân công và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các Phó Trưởng Ban và các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch;

d) Thành lập các đội chống dịch cơ động theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- Các Phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch có nhiệm vụ: giúp việc cho Trưởng Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về các lĩnh vực và công việc được phân công.

1.6 Cơ quan giải quyết thủ tục

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND huyện

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm y tế, Trạm y tế.

1.7 Kết quả thực hiện TTHC

- Ban Chỉ đạo chống dịch cấp huyện.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9 Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

1.10 Yêu cầu, điều kiện

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo là cơ quan tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Ban Chỉ đạo chống dịch và Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm:

a) Là đầu mối tổng hợp kế hoạch, báo cáo về phòng chống dịch;

b) Giám sát thực hiện các nhiệm vụ phòng chống dịch theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch;

c) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối hoạt động của các tiểu ban thuộc Ban Chỉ đạo và của Đội chống dịch cơ động.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo chống dịch.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên thủ tục: Thành lập Ban Chỉ đạo chống dịch xã.

1.1. Trình tự thực hiện

Bước 1: Các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

Bước 2: Các Tiểu ban chống dịch được quy định cụ thể như sau:

a) Cấp quốc gia và cấp tỉnh gồm các tiểu ban: Giám sát, Điều trị, Tuyên truyền và Hậu cần. Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định cụ thể thành phần, nhiệm vụ và hoạt động của các Tiểu ban chống dịch;

b) Cấp huyện và cấp xã: Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định thành lập hoặc không thành lập các Tiểu ban chống dịch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ chống dịch.

Bước 3: Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đặt tại cơ quan y tế cùng cấp và do người đứng đầu cơ quan y tế đó phụ trách

1.2 Cách thức thực hiện

- Ban Chỉ đạo chống dịch làm việc theo chế độ tập thể.
- Các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
- Thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp chịu trách nhiệm sử dụng bộ máy tổ chức của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch và sử dụng con dấu do đơn vị mình quản lý.
- Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

1.3 Thành phần và số lượng hồ sơ: Không quy định

1.4 Thời hạn giải quyết

Trong vòng 24 giờ, kể từ khi có công bố dịch của người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm, Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp phải được thành lập.

1.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

- Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp có nhiệm vụ tổ chức chỉ đạo và triển khai các hoạt động phòng chống dịch theo quy định tại Điều 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54 và 55 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
- Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp có nhiệm vụ:
 - a) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chống dịch và chịu trách nhiệm trước chính quyền cùng cấp về toàn bộ các hoạt động chống dịch;
 - b) Phê duyệt, tổ chức và thực hiện kế hoạch chống dịch, đề xuất việc áp dụng các biện pháp chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch;
 - c) Phân công và giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ của các Phó Trưởng Ban và các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch;
 - d) Thành lập các đội chống dịch cơ động theo quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
- Các Phó Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo chống dịch có nhiệm vụ: giúp việc cho Trưởng Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban Chỉ đạo về các lĩnh vực và công việc được phân công.

1.6 Cơ quan giải quyết thủ tục

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND xã
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Trung tâm y tế, Trạm y tế.

1.7 Kết quả thực hiện TTHC

- Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã.

1.8. Phí, lệ phí: Không

1.9 Tên mẫu đơn, tờ khai: Không quy định

1.10 Yêu cầu, điều kiện

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo là cơ quan tham mưu, giúp việc trực tiếp cho Ban Chỉ đạo chống dịch và Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm:

a) Là đầu mối tổng hợp kế hoạch, báo cáo về phòng chống dịch;

b) Giám sát thực hiện các nhiệm vụ phòng chống dịch theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch;

c) Tham mưu cho Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối hoạt động của các tiểu ban thuộc Ban Chỉ đạo và của Đội chống dịch cơ động.

- Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch, sử dụng bộ máy của mình để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo chống dịch.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm; Quyết định số 56/2010/QĐ-TTg ngày 16/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định thẩm quyền thành lập, tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo chống dịch các cấp.

2. Tên thủ tục: áp dụng biện pháp cách ly y tế tại nhà

2.1. Trình tự thực hiện: Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm đang lưu trú tại vùng có bệnh dịch, trừ đối tượng là người mắc dịch bệnh thuộc nhóm A và một số bệnh dịch thuộc nhóm B theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế (sau đây gọi tắt là một số bệnh thuộc nhóm B); Người xuất phát hoặc đi qua vùng có bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B; Người tiếp xúc với người mắc bệnh dịch thuộc nhóm A và một số bệnh thuộc nhóm B.

Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch quyết định việc áp dụng biện pháp cách ly y tế tại nhà hoặc tại cơ sở y tế đối với các đối tượng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 1 Nghị định này

1. Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi phát hiện người thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này, Trạm trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) lập danh sách các trường hợp phải áp dụng biện

pháp cách ly y tế tại nhà và báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã để xem xét, phê duyệt.

2. Trong thời gian 01 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của Trạm trưởng Trạm y tế xã, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã phải quyết định việc phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế. Trường hợp từ chối phê duyệt phải nêu rõ lý do.

3. Trong thời gian 03 giờ, kể từ khi danh sách các trường hợp phải áp dụng biện pháp cách ly y tế được phê duyệt, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

a) Thông báo việc áp dụng biện pháp cách ly cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế và thân nhân của họ, đồng thời thông báo cho Công an xã và tổ trưởng tổ dân phố, trưởng cụm dân cư, trưởng thôn, già làng, trưởng bản, trưởng làng, trưởng ấp, trưởng phum, trưởng sóc để phối hợp giám sát việc thực hiện biện pháp cách ly y tế;

b) Tổ chức thực hiện các biện pháp giám sát, theo dõi sức khỏe của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế;

c) Báo cáo và đề xuất với Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã về các biện pháp nhằm hạn chế đến mức tối đa nguy cơ lây nhiễm từ người bị cách ly y tế ra cộng đồng.

4. Trường hợp người đang bị áp dụng biện pháp cách ly y tế có dấu hiệu tiến triển thành mắc bệnh truyền nhiễm, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã để xem xét, quyết định việc áp dụng biện pháp cách ly y tế tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

5. Sau khi tiếp nhận đối tượng, người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận đối tượng có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc cách ly và chăm sóc, điều trị cho người bệnh;

b) Thông báo với Trạm trưởng Trạm Y tế xã về tình trạng bệnh của người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế.

6. Sau khi nhận được thông báo của người đứng đầu khoa, phòng của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi tiếp nhận đối tượng, Trạm trưởng Trạm Y tế xã có trách nhiệm:

a) Thông báo hủy bỏ việc áp dụng biện pháp cách ly y tế trong trường hợp nhận được thông báo xác định người đó không mắc bệnh truyền nhiễm;

b) Lập danh sách những người tiếp xúc với người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế và thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch trong trường hợp nhận được thông báo xác định người đó mắc bệnh truyền nhiễm.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: không quy định

2.4. Thời hạn giải quyết: 3 giờ

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trạm trưởng Trạm Y tế xã, Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trưởng Ban Chỉ đạo chống dịch cấp xã

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: quyết định việc áp dụng các biện pháp chống dịch

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định 101/2010/NĐ-CP 30/09/2010 hướng dẫn Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm về áp dụng biện pháp, cường chế cách ly Y tế và chống dịch đặc thù trong thời gian có dịch